THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Quản lý đất đai là cơ quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về đất đai trong phạm vi cả nước; thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Quản lý đất đai có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, có tài khoản riêng; trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ, dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự thảo thông tư, thông tư liên tịch về đất đai;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm; chương trình, dự án, đề án về đất đai;

c) Dự thảo quyết định, chỉ thị, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ, đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, sử dụng đất.

2. Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, chương trình quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về quản lý, sử dụng đất sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về đất đai và pháp điển hóa hệ thống quy phạm pháp luật về đất đai.

3. Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai; trả lời, giải đáp các vướng mắc, kiến nghị về chính sách về đất đai.

4. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

a) Tổ chức việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia;

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh;

c) Giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh;

d) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và xử lý theo quy định đối với việc thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh;

đ) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh; việc sử dụng đất của ngành, lĩnh vực theo quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt;

e) Tổ chức thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Về đăng ký đất đai:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác đo đạc và chỉnh lý bản đồ địa chính; việc lập và chỉnh lý hồ sơ địa chính;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc đăng ký đất đai và tài sản khác gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về đăng ký đất đai;

c) Tổ chức hướng dẫn xây dựng hệ thống đăng ký đất đai trên phạm vi cả nước;

d) Tổ chức phát hành và kiểm tra việc quản lý, sử dụng phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

đ) Tổng hợp số liệu về: Đăng ký đất đai, đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Về giá đất:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng khung giá các loại đất, nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất; việc thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng bảng giá đất; việc xác định giá đất cụ thể; việc lập bản đồ giá đất;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và thẩm định giá đất giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị về xây dựng, điều chỉnh và áp dụng bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Kiểm tra việc định giá đất của các tổ chức có chức năng tư vấn định giá đất;

e) Tổ chức điều tra, thu thập và quản lý dữ liệu giá đất trên thị trường theo quy định của pháp luật; tổng hợp, cung cấp dữ liệu, thông tin về khung giá các loại đất, bảng giá đất và giá đất cụ thể.

7. Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; hướng dẫn, kiểm tra việc xác định người sử dụng đất thuộc đối tượng được bồi thường, được hỗ trợ hoặc không được bồi thường, không được hỗ trợ;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức thẩm tra phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo quy định của pháp luật; giải quyết những khó khăn, vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất sau khi đã giải phóng mặt bằng; việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong khu tái định cư.

8. Về phát triển quỹ đất, quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để phát triển quỹ đất, đấu giá quyền sử dụng đất;

b) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của tổ chức phát triển quỹ đất trên phạm vi cả nước;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý quỹ đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

9. Về điều tra, đánh giá tài nguyên đất:

a) Tổ chức điều tra, đánh giá chất lượng, tiềm năng đất đai; thoái hóa đất, ô nhiễm đất; phân hạng đất nông nghiệp của cả nước, các vùng theo định kỳ;

b) Tổ chức điều tra, đánh giá chuyên đề về quản lý, sử dụng đất theo yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai;

c) Hướng dẫn việc thực hiện điều tra, đánh giá đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Tổng hợp, công khai kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên đất của cả nước và các vùng.

10. Về xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin đất đai:

a) Tổ chức xây dựng hệ thống thông tin đất đai thống nhất trên phạm vi cả nước; triển khai và vận hành hệ thống thông tin đất đai quốc gia; cung cấp thông tin, dữ liệu về đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng hệ thống thông tin đất đai; việc lưu trữ dữ liệu đất đai và việc cung cấp thông tin về đất đai của các địa phương.

11. Về kiểm soát việc quản lý, sử dụng đất đai:

a) Theo dõi, kiểm tra trên thực địa việc quản lý, sử dụng đất của các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các cụm công nghiệp, các sân golf và các nông, lâm trường và các dự án, công trình khác có sử dụng đất thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Chính phủ;

b) Tổ chức xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống theo dõi, giám sát tài nguyên đất; thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức đánh giá việc thi hành pháp luật về đất đai; hiệu quả quản lý sử dụng đất đai trên phạm vi cả nước;

d) Tổ chức đánh giá sự tác động của chính sách pháp luật về đất đai đến kinh tế - xã hội, môi trường trên phạm vi cả nước và các địa phương.

12. Thanh tra chuyên ngành về đất đai trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật; tham gia hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

13. Về hợp tác quốc tế:

a) Đề xuất tham gia đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; tham gia các tổ chức quốc tế, diễn đàn quốc tế về lĩnh vực đất đai theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về lĩnh vực đất đai;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về lĩnh vực đất đai theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

14. Tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phổ biến các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong lĩnh vực đất đai.

15. Tổ chức thẩm định, kiểm định các sản phẩm, đề án, dự án về quản lý và sử dụng đất đai.

16. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công về đất đai theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động dịch vụ công về quản lý, sử dụng đất đai; cấp chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực đất đai theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện cải cách hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai theo chương trình cải cách hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường và phân công của Bộ trưởng.

18. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, biệt phái, nghỉ hưu, thôi việc; khen thưởng, kỷ luật; đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng cục Quản lý đất đai theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

19. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo phân cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Chính sách và Pháp chế.

2. Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học, Công nghệ.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính.

4. Vụ Tổ chức cán bộ.

5. Văn phòng Tổng cục (có đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh).

6. Cục Đăng ký đất đai.

7. Cục Quy hoạch đất đai.

8. Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất.

9. Cục Kiểm soát quản lý và Sử dụng đất đai.

10. Viện Nghiên cứu quản lý đất đai.

11. Trung tâm Điều tra, Đánh giá tài nguyên đất.

12. Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai.

13. Trung tâm Đào tạo và Truyền thông đất đai.

14. Trung tâm Ứng dụng và Phát triển công nghệ địa chính.

15. Trung tâm Định giá đất và Kiểm định địa chính.

Tại Điều này, các tổ chức quy định từ Khoản 1 đến Khoản 9 là các tổ chức hành chính giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ Khoản 10 đến Khoản 15 là tổ chức sự nghiệp phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Tổng cục Quản lý đất đai.

Điều 4. Lãnh đạo

1. Tổng cục Quản lý đất đai có Tổng cục trưởng và không quá 03 Phó Tổng cục trưởng.

2. Tổng cục trưởng và các Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức trực thuộc Tổng cục Quản lý đất đai.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục Quản lý đất đai. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2014 và thay thế Quyết định số 134/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 25/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điểm của các Khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 2 Quyết định số 134/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng